

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN HAI BÀ TRUNG  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/KDTM-ST  
Ngày 14/8/2020  
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Kim Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đoàn Xuân Miễn

Bà Vương Thúy Thìn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quang Đạo – Cán bộ Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14/8/2020, tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2020/TLST- KDTM ngày 04 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST- KDTM ngày 30/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2020/QĐST-KDTM ngày 20/7/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q; Trụ sở: Số II, C, Đ, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đ - Chủ tịch Hội đồng quản trị; Pháp nhân đại diện theo ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền số 02/UQ-MBAMC ngày 31/01/2019: Công ty TNHH K- Ngân hàng TMCP Q; Địa chỉ: Tầng G2, nhà B4 K, P, Đ, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc N - Tổng Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị L- Phó Giám đốc TTXLN Công ty MBA (Văn bản ủy quyền số 429/UQ-MBAMC ngày 12/02/2020); Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lỗ Chí Anh Đ- Chuyên viên xử lý nợ. (Văn bản ủy quyền số 442/UQ-MBAMC ngày 01/02/2019).

Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần hệ thống TVN; Địa chỉ trụ sở: Tầng II, số 274B, phố H, phường P, quận H, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn G- Giám đốc; Nơi ĐKNKTT: Số X, C3T2, đường C, phường N, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú cuối cùng: Số VI, ngách 2, ngõ 83, phố N, phường Q, quận C, Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q trình bày:*

Ngày 25/5/2012, Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Tây Hồ và Công ty cổ phần hệ thống TVN ký kết Hợp đồng tín dụng số 108.12.013.895232.TD.DN. Theo đó Ngân hàng TMCP Q cấp cho Công ty cổ phần hệ thống TVN một khoản tín dụng có xác định thời hạn với số tiền cam kết tối đa là 2.414.640.043 đồng. Ngày 25/5/2012, Ngân hàng TMCP Q đã giải ngân cho Công ty cổ phần hệ thống TVN số tiền là 2.414.640.043 đồng thông qua Khế ước nhận nợ số 1214608001 ngày 25/5/2012 với mức lãi suất cố định là 22%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Thời hạn vay 06 tháng (từ ngày 25/5/2012 đến ngày 25/11/2012). Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền hàng cho Công ty TNHH A Việt Nam. Thời hạn trả nợ là ngày 25 hàng tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 213 máy tính mua theo các Hợp đồng kinh tế giữa Công ty cổ phần hệ thống TVN và Công ty TNHH A Việt Nam. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần hệ thống TVN đã không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Ngày 26/11/2012 Ngân hàng đã chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 14/8/2020 Công ty cổ phần hệ thống TVN đã trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền là 1.616.352.248 đồng (trong đó nợ gốc là 1.591.752.248 đồng, nợ lãi là 24.600.000 đồng), còn nợ tổng số tiền là: 2.472.081.069 đồng (trong đó nợ gốc là 822.887.795 đồng, nợ lãi là 1.649.193.274 đồng). Ngân hàng đã nhiều lần thông báo đôn đốc yêu cầu Công ty cổ phần hệ thống TVN thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không có kết quả. Nay Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần hệ thống TVN phải thanh toán số dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 108.12.013.895232.TD.DN tạm tính đến ngày Tòa án xét xử vụ án là: 2.472.081.069 đồng (trong đó nợ gốc là 822.887.795 đồng, nợ lãi là 1.649.193.274 đồng) và toàn bộ lãi phát sinh theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Theo nội dung Hợp đồng tín dụng số 108.12.013.895232.TD.DN ngày 25/5/2012 và Hợp đồng thế chấp số 07.12.013.895232/TC ngày 06/01/2012 thì tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty cổ phần hệ thống TVN là 213 máy tính mua theo các Hợp đồng kinh tế giữa Công ty cổ phần hệ thống TVN và Công ty A Việt Nam. Tuy nhiên Ngân hàng TMCP Q không yêu cầu xử lý các tài sản đảm bảo này để thu hồi nợ.

Bị đơn là Công ty cổ phần hệ thống TVN có trụ sở theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại tầng 2, số 274B, phố H, phường P, quận H, Hà Nội. Qua xác minh tại UBND phường Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội thì Công ty cổ phần hệ thống TVN không còn hoạt động tại địa chỉ trên, hiện công ty chuyển trụ sở đi đâu không rõ. Đại diện theo pháp luật của công ty là ông Phạm Văn G- Giám đốc có hộ. Qua xác minh tại Công an phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội và Công an phường Trần Đăng Ninh, thành phố Nam Định thì ông Phạm Văn G không còn sinh sống tại các địa chỉ trên, hiện ông G đi đâu, ở đâu chính quyền địa phương không biết. Tòa án cũng đã triệu tập các thành viên góp vốn còn lại của công ty để thu thập thông tin về đại diện theo pháp luật của công ty nhưng không xác định được. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng đối với Công ty cổ phần hệ thống TVN. Tuy nhiên bị đơn không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai và thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của pháp luật. Do vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các lời khai đã khai tại tòa. Đề nghị Tòa án buộc Công ty cổ phần hệ thống TVN phải thanh toán số dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 108.12.013.895232.TD.DN tạm tính đến ngày Tòa án xét xử vụ án là: 2.472.081.069 đồng (trong đó nợ gốc là 822.887.795 đồng, nợ lãi là 1.649.193.274 đồng) và toàn bộ lãi phát sinh theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Nguyên đơn không yêu cầu xử lý các tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 07.12.013.895232/TC ngày 06/01/2012.

Bị đơn là Công ty cổ phần hệ thống TVN vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án thông báo triệu tập và niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý và giải quyết vụ án đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành đúng, Bị đơn không chấp hành các quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty cổ phần hệ thống TVN phải thanh toán số dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 108.12.013.895232.TD.DN tạm tính đến ngày Tòa án xét xử vụ án là: 2.472.081.069 đồng (trong đó nợ gốc là 822.887.795 đồng, nợ lãi là 1.649.193.274 đồng) và toàn bộ lãi phát sinh theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho nguyên đơn. Không xem xét xử lý các tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp đã ký do nguyên đơn không có yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn là Hợp đồng cho vay giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh nhằm mục đích lợi nhuận. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần nhất do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư Hà Nội cung cấp thể hiện Công ty cổ phần hệ thống TVN có trụ sở theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại tầng II, số 274B, phố H, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Về việc xét xử trong trường hợp bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Căn cứ các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập xác định bị đơn là Công ty cổ phần hệ thống TVN thay đổi địa chỉ trụ sở hoạt động, đại diện theo pháp luật của bị

đơn là ông Phạm Văn G thay đổi địa chỉ nơi cư trú nhưng không thông báo. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung và niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Hết thời hạn niêm yết theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tính pháp lý của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 108.12.013.895232.TD.DN ngày 25/5/2012:

Ngày 25/5/2012, Ngân hàng thương mại cổ phần Q - Chi nhánh Tây Hồ và Công ty cổ phần hệ thống TVN ký kết Hợp đồng tín dụng số 108.12.013.895232.TD.DN, theo đó Ngân hàng thương mại cổ phần Q cấp cho Công ty cổ phần hệ thống TVN một khoản tín dụng có xác định thời hạn với số tiền cam kết tối đa là 2.414.640.043 đồng. Ngày 25/5/2012 Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã giải ngân cho Công ty cổ phần hệ thống TVN số tiền 2.414.640.043 đồng thông qua Khế ước nhận nợ số PDPD1214608001 ngày 25/5/2012 với lãi suất cố định là 22%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 06 tháng, ngày đến hạn là 25/11/2012, thời hạn trả nợ vào ngày 25 hàng tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 213 máy tính mua theo các Hợp đồng kinh tế giữa Công ty cổ phần hệ thống TVN và Công ty TNHH A Việt Nam. Xét Hợp đồng tín dụng hạn mức và Khế ước nhận nợ được các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung, mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của pháp luật tại khoản 14, khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 25/5/2012 Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã giải ngân cho Công ty cổ phần hệ thống TVN số tiền là 2.414.640.043 đồng. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng thì Công ty cổ phần hệ thống TVN phải thanh toán trả lãi kỳ đầu tiên vào ngày 25/6/2012. Tuy nhiên sau khi giải ngân bên vay đã không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ như cam kết. Đến ngày 26/12/2012 Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn. Sau nhiều lần có văn bản thông báo và đốc thúc việc trả nợ nhưng không nhận được phản hồi từ bên vay nên Ngân hàng thương mại cổ phần Q khởi kiện yêu cầu bên vay phải trả số tiền nợ gốc chưa thanh toán và số tiền nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký là có cơ sở.

Xét yêu cầu đòi nợ gốc: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện ngày 25/5/2012 Ngân hàng thương mại cổ phần Q giải ngân cho Công ty cổ phần hệ thống TVN số tiền là 2.414.640.043 đồng thông qua Khế ước nhận nợ số PDPD1214608001 ngày 25/5/2012 với mức lãi suất cố định là 22%/năm, thời hạn vay 06 tháng, ngày đến hạn là 25/11/2012. Tính đến ngày 28/01/2013 Công ty cổ phần hệ thống TVN đã trả được 1.591.752.248 đồng nợ gốc và 24.600.000 đồng nợ lãi. Sau nhiều lần thông báo và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không có kết quả nên Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần

hệ thống TVN phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số dư nợ gốc tính đến ngày Tòa án xét xử vụ án là: 2.414.640.043 đồng - 1.591.752.248 đồng (đã thanh toán) = 822.887.795 đồng. Hội đồng xét xử đã kiểm tra bảng kê tình hình giao dịch tiền vay của Công ty cổ phần hệ thống TVN tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q xác định đúng số tiền gốc hiện Công ty cổ phần hệ thống TVN còn nợ Ngân hàng là đúng. Căn cứ Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q đối với Công ty cổ phần hệ thống TVN. Buộc Công ty cổ phần tích hợp Việt Nam phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ gốc theo Khế ước nhận nợ ngày 25/5/2012 là 822.887.795 đồng.

Xét yêu cầu đòi nợ lãi: Theo Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì Hợp đồng tín dụng được xác lập trước ngày 01/7/2019 nên bị đơn phải chịu lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật về tín dụng. Theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Tại Điều 11 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định “*Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*”. Theo Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định “*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của dự án, phương án sản xuất kinh doanh...*”.

Xét lãi suất cho vay theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q và Công ty cổ phần hệ thống TVN và Khế ước nhận nợ số PDPD1214608001 ngày 25/5/2012 là 22% và được áp dụng cố định trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm cho vay nên được chấp nhận.

Về lãi quá hạn, theo thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng đã ký thì lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, do bị đơn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết nên đến ngày 26/11/2012 Ngân hàng thương mại cổ phần Q mới chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn tuy nhiên Ngân hàng chỉ tính lãi suất quá hạn bằng mức lãi suất cố định trong hạn là 22% là có lợi cho khách hàng và phù hợp với khoản 2 Điều 11 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 nên được chấp nhận. Căn cứ Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, buộc Công ty cổ phần hệ thống TVN ngoài việc thanh toán số tiền nợ gốc là 822.887.795 đồng, còn phải thanh toán số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử là 1.649.193.274 đồng. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo: Theo nội dung Hợp đồng tín dụng số 108.12.013.895232.TD.DN ngày 25/5/2012 và Hợp đồng thế chấp số 07.12.013.895232/TC ngày 06/01/2012 thì tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty cổ phần hệ thống TVN tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q là 213 máy tính mua

theo các Hợp đồng kinh tế giữa Công ty cổ phần hệ thống TVN và Công ty TNHH A Việt Nam. Tuy nhiên tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng thương mại cổ phần Q không yêu cầu xử lý các tài sản đảm bảo này để thu hồi nợ nên Tòa án không xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên phần nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q đối với Công ty cổ phần hệ thống TVN về việc yêu cầu Công ty cổ phần hệ thống TVN phải thanh toán toàn bộ số dư nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 108.12.013.895232.TD.DN ngày 25/5/2012 và Khế ước nhận nợ số PDPD1214608001 ngày 25/5/2012.

Buộc Công ty cổ phần hệ thống TVN phải thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 108.12.013.895232.TD.DN và Khế ước nhận nợ số PDPD1214608001 ngày 25/5/2012 tính đến ngày 14/8/2020 là:

- Nợ gốc: 822.887.795 đồng.

- Nợ lãi : 1.649.193.274 đồng.

Tổng cộng: 2.472.081.069 đồng. *(Hai tỷ, bốn trăm bảy mươi hai triệu, không trăm tám mươi một nghìn, không trăm sáu chín đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Do Ngân hàng thương mại cổ phần Q không yêu cầu xử lý các tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 07.12.013.895232/TC ngày 06/01/2012 để thu hồi nợ nên Tòa án không xét.

**2. Về án phí:**

Công ty cổ phần hệ thống TVN phải chịu 81.441.621 đồng (*Tám mươi một triệu bốn trăm bốn một nghìn sáu trăm hai một đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 39.200.000 đồng (*Ba mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng*) do Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng theo biên lai số AA/2017/0003363 ngày 25/02/2020.

**3. Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.**

**4. Về quyền kháng cáo:** Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty cổ phần hệ thống TVN có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKS nhân dân quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THA dân sự quận Hai Bà Trưng;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Đỗ Thị Kim Oanh**